TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 44/2025/HNGĐ-ST Ngày 28-03-2025 V/v ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Khoa.

Ông Doãn Văn Sáng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Diệu Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình gia đình thụ lý số 309/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1998; nơi cư trú: Phường B, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trương Văn Q, sinh năm 1992; nơi cư trú: phường N, thành phố T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là chị Trần Thị Thu H trình bày: Chị với anh Trương Văn Q kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận K, thành phố Hải Phòng ngày 14/7/2022. Sau lễ cưới được tổ chức theo phong tục, vợ chồng chung sống tại xã Phục Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Đến cuối năm 2023, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuẫn là do tính tình vợ chồng thay đổi, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi mắng, xúc phạm lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại quận K, thành phố Hải Phòng sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Q. Chị và anh Q không có con chung. Chị và anh Q không có tài sản chung, chị không yêu cầu Toà án giải quyết chia.

Bị đơn là anh Trương Văn Q đã được Toà án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Anh Q không có quan điểm, ý kiến của mình về việc chị H đề nghị ly hôn. Anh Q không có mặt tại các các buổi làm việc và tại phiên toà.

Thông tin tại địa phương xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Q có mâu thuẫn, đúng với nội dung trình bày của chị H.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị Trần Thị Thu H ly hôn với anh Trương Văn Q; chị H có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án

Chị Trần Thị Thu H xin ly hôn với anh Trương Văn Q là vụ án hôn nhân gia đình về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Q là bị đơn, cư trú tại thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nên Tòa án nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt bị đơn tại phiên tòa

Anh Trương Văn Q là bị đơn đã được tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện

[3.1] Về yêu cầu ly hôn

Chị Trần Thị Thu H với anh Trương Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng nhận kết hôn nên việc kết hôn giữa chị H và anh Q là hợp pháp. Xuất phát từ mâu thuẫn vợ chồng, chị H và anh Q đã sống ly thân từ cuối năm 2023

đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng với anh Q không còn, chị H yêu cầu được ly hôn với anh Q. Quá trình giải quyết vụ án, anh Q không có mặt tại các buổi hoà giải, buổi làm việc và phiên toà, không có quan điểm, ý kiến của mình về việc chị H đề nghị ly hôn. Qua đó thể hiện, anh Q không quan tâm đến tình cảm vợ chồng và không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Điều này chứng minh hôn nhân giữa chị H và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị H ly hôn với anh Q.

[3.2] Chị Trần Thị Thu H và anh Trương Văn Q không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét việc giao người trực tiếp nuôi con khi ly hôn.

Về việc chia tài sản chung của vợ chồng, chị Trần Thị Thu H không đề nghị Tòa án giải quyết; anh Trương Văn Q không có ý kiến. Do vậy, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm

Chị Trần Thị Thu H là nguyên đơn xin ly hôn nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT TUẤN:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn,

- Cho chị Trần Thị Thu H ly hôn với anh Trương Văn Q;

- Chị Trần Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp (theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010146 ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủy Nguyên), chị Trần Thị Thu H đã nộp đủ án phí.

- Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND, VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS TP. Thuỷ Nguyên;
- UBND phường B, quận K (GCNKH số 33 ngày 14/7/2022 của UBND phường T);
- Lưu: VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Phương